

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó Giáo sư

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Dược học; Chuyên ngành: Dược lý

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **CHỬ VĂN MẾN**

2. Ngày tháng năm sinh: 24/09/1983; Nam Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Phụng Công, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh: Xã Phụng Công, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Viện nghiên cứu Y dược học Quân sự - Học viện Quân Y, số 222- Phùng Hưng - Hà Đông - Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0353212500;

E-mail: chuvanmen@vmmu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2006 đến năm 2009 : Cán bộ nghiên cứu, Học viện Quân Y, Hà Đông , Hà Nội.

Từ năm 2009 đến năm 2013 : Học viên sau đại học, Đại học quốc gia Chungnam, Hàn Quốc.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN
Từ năm 2013 đến nay : Giảng viên, Học viện Quân y, Hà Đông, Hà Nội.

Từ năm 2018 đến nay: Giám đốc Trung tâm thử nghiệm lâm sàng và tương đương sinh học, Viện Nghiên cứu Y Dược học Quân sự, Học viện Quân y, Hà Đông, Hà Nội.

Chức vụ: Hiện nay: Giám đốc Trung tâm thử nghiệm lâm sàng và tương đương sinh học;
Chức vụ cao nhất đã qua: Giám đốc Trung tâm thử nghiệm lâm sàng và tương đương sinh học.

Cơ quan công tác hiện nay: Học Viện Quân Y

Địa chỉ cơ quan: 160 Phùng Hưng, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 069566719

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo: **Tiến sĩ**

- Được cấp bằng ĐH ngày 22 tháng 6 năm 2006, ngành: Dược học, chuyên ngành: Dược sĩ Đa khoa.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Dược Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước):

- Được cấp bằng TS ngày 23 tháng 08 năm 2013, ngành: Dược học; chuyên ngành: Hóa dược.

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Quốc gia Chungnam, Hàn Quốc.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành:

.....

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ,
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Quân y

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Dược học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu tính an toàn, tác dụng dược lý và độc tính tiền lâm sàng của thuốc (dược lý thực nghiệm). Nghiên cứu đánh giá hiệu quả và tính an toàn của thuốc trên người (dược lý lâm sàng).

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Xây dựng phương pháp định lượng hoạt chất trong dược liệu, trong máu bằng các phương pháp hiện đại như HPLC, LC/MS/MS nhằm đánh giá chất lượng dược liệu và định lượng thuốc trong máu.

- Nghiên cứu bào chế các thuốc có nguồn gốc tự nhiên: chiết xuất, phân lập, nhận dạng, kiểm nghiệm, bào chế và đánh giá tác dụng sinh học.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 07 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);
- Đã hoàn thành 12 đề tài trong đó tham gia 06 đề tài cấp nhà nước, chủ nhiệm 02 đề tài NCKH cấp bộ (nhánh cấp nhà nước) và 05 đề tài cấp cơ sở;
- Đã công bố 99 bài báo KH, trong đó 16 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp 01 bằng độc quyền sáng chế; 01 bằng độc quyền giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 01, trong đó 01 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Giải thưởng tuổi trẻ sáng tạo trong quân đội năm 2013 (giải 3), 2014 (giải nhì).
- Giải thưởng sáng tạo tuổi trẻ toàn quốc năm 2016.
- Giải nhất Hội nghị Khoa học-Công nghệ tuổi trẻ các Trường ĐH, CĐ Y- Dược Việt Nam lần thứ XVIII (2016).

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Tích cực tham gia biên soạn giáo trình về chuyên môn Dược lý- Dược lâm sàng cho bộ môn cũng như trau dồi chuyên môn và kỹ năng giảng dạy. Trong quá trình công tác luôn thể hiện cởi mở, thân thiện và khách quan trong việc giảng dạy, các bài giảng nhiều kiến thức thực tế nên tạo ra sự lôi cuốn và hứng thú cho sinh viên. Tôi đã tham gia nhiều đề tài nghiên cứu khoa học: chủ nhiệm 02 đề tài nhánh cấp nhà nước, chủ nhiệm 05 đề tài cấp cơ sở đã nghiệm thu, tham gia 06 đề tài cấp nhà nước. Hiện nay, tôi đang chủ nhiệm 01 đề tài độc lập cấp nhà nước và 01 đề tài nhánh cấp nhà nước và tham gia 03 đề tài cấp nhà nước khác. Tôi đã tham gia công bố được 99 bài báo khoa học trong đó có 16 bài trên tạp chí quốc tế có uy tín ISI, scopus; tham gia công bố 01 bằng độc quyền sáng chế và 01 bằng độc quyền giải pháp hữu ích; tham gia biên soạn và làm chủ biên 01 sách chuyên khảo. Về hướng dẫn sinh viên, tôi đã

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN hướng dẫn 07 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn tốt nghiệp. Hiện nay, tôi đang hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh và 01 học viên chuyên khoa II về Dược.

- Không vi phạm đạo đức nhà giáo, không đang trong thời gian bị kỷ luật dưới bất cứ hình thức nào; trung thực, khách quan trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 7 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2013-2014				01	140	120	260/300/280
2	2014-2015			01	01	240	120	360/375/280
3	2015-2016			01	01	260	120	380/475/270
4	2016-2017			01		260	120	380/450/270
3 năm học cuối								
4	2017-2018			01	01	260	120	380/475/270
5	2018-2019		01	03	01	200	120	320/515/270
6	2019-2020		01 (chưa bảo vệ)	01(chưa bảo vệ)	09(chưa bảo vệ)	200	120	320/320/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn:.....

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Hàn Quốc, Năm 2013

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): B2 khung Châu Âu (VSTEP), và chứng chỉ bồi dưỡng nâng cao lớp phiên dịch tại Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Năm đã bảo vệ
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Ngô Sỹ Thịnh		x	x		2013-2014	HVQY	2014
2	Chu Thị Hồng		x	x		2014-2015	HVQY	2015
3	Văn Khắc Tuyên		x	x		2015-2016	HVQY	2016
4	Đỗ Thị Hương Lan		x	x		2017-2018	HVQY	2018
5	Nguyễn Văn Mạnh		x	x		2018-2019	HVQY	2019
6	Bùi Thị Thu Hà		x	x		2018-2019	HVQY	2019
7	Nguyễn Hùng Mạnh		x		x	2018-2019	HVQY	2019

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ học vị TS							
1	Quy trình bào chế tạo phytosome của hoạt chất chiết xuất từ một số dược liệu quý	CK (quyết định xuất bản số 65/QĐLKI-NXBQĐND)	Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, 2019	05	Chủ biên	05-174; 268-273	Số 2479/QĐ-HVQY

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 01

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	Nghiên cứu chiết xuất một số hoạt chất có tác dụng kích ứng da và niêm mạc	CN	763/QĐ-HVQY, đề tài cấp cơ sở- Học viện Quân y	01/2014-12/2014	26/12/2014, Xếp loại: xuất sắc
2	Nghiên cứu quy trình công nghệ lên men hành đen	CN	566/QĐ-HVQY, đề tài cấp cơ sở- Học Viện Quân Y	01/2015-12/2015	16/12/2015, Xếp loại: xuất sắc
3	Đánh giá tác dụng của chế phẩm LK trên mô hình đột quỵ não ở chuột thực nghiệm	CN	Chương trình KC04; đề tài nhánh cấp nhà nước mã số KC04.01/11-15 – Bộ Khoa học và Công nghệ.	04/2014-09/2015	27/8/2015, Xếp loại: Đạt
4	Nghiên cứu chế tạo các bộ sinh phẩm Nested-PCR chẩn đoán vi nấm <i>A. fumigatus</i> và <i>P. marneffei</i> gây bệnh nội tạng ở người	CN	Chương trình KC10; đề tài nhánh cấp nhà nước mã số KC.10.32/11-15- Bộ Khoa học và Công nghệ	04/2014-04/2015	21/9/2015, Xếp loại: Đạt
5	Nghiên cứu sàng lọc khả năng chống oxy hóa của một số chế phẩm từ dược liệu	CN	121/QĐ-HVQY, đề tài cấp cơ sở- Học Viện Quân Y	01/2016-12/2016	06/01/2016, Xếp loại: xuất sắc
6	Nghiên cứu quy trình tạo bộ cao khô định chuẩn Cúc hoa vàng bằng công nghệ sấy phun	CN	1692B/QĐ-HVQY, đề tài cấp cơ sở- Học Viện Quân Y	01/2018-12/2018	06/01/2019, Xếp loại: xuất sắc

7	Nghiên cứu sự thay đổi Curcuminoid trong huyết tương	CN	414/QĐ-HVQY, đề tài cấp cơ sở- Học Viện Quân Y	01/2019-06/2019	27/06/2019, Xếp loại: xuất sắc
8	Nghiên cứu bào chế viên nang chứa phytosome của hoạt chất chiết xuất từ Cúc gai, Giảo cổ lam, Diệp Hạ châu đắng, Nghệ vàng.	TK	mã số KC.10.12/16-20- Nhà nước	11/2016-10/2019	17/3/2020, Xếp loại: Đạt

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
I. Trước khi bảo vệ luận án TS								
Bài báo quốc tế								
1.	HPLC Method for the Analysis of l-Dopa and d-Dopa in Pharmaceutical Formulations Using a Pair of Chiral Columns	5	Đồng Tác giả	Journal of Pharmaceutical Science (C.N.U) ISSN:2005-0186			25, 10-15	2010
2.	Monitoring of Active Components in Lonicerae Folium et Caulis by Pattern Recognition Analysis	4	Tác giả chính	Journal of Pharmaceutical Science (C.N.U) ISSN:2005-0186			25, 24-30	2010
3.	Enantioseparation and Determination of Sibutramine in Pharmaceutical Formulations by	9	Đồng Tác giả	Bulletin of the Korean Chemical Society ISSN: 1229-5949	ISI, scopus IF: 0,602 (Q3)		31(6), 1496-1500	2010

	Capillary Electrophoresis							
4.	Adlay Seed Extract (<i>Coix lachryma-jobi</i> L.) Decreased Adipocyte Differentiation and Increased Glucose Uptake in 3T3-L1 Cells	8	Đồng Tác giả	Journal of Medicinal Food ISSN:1096-620X	ISI, scopus IF: 2,020 (Q2)		13(6), 1331-1339	2010
5.	Effects of the decoction water on the extraction of the bioactive compounds from rhubarb	6	Đồng Tác giả	Analytical Science & Technology ISSN: 2288-8985			24(1), 1-7	2011
6.	Quality control of a herbal medicinal preparation using high-performance liquid chromatographic and capillary electrophoretic methods	9	Đồng Tác giả	Journal of Pharmaceutical and Biomedical Analysis ISSN: 0731-7085	ISI, scopus (Q1) IF: 2,983		55, 206-210	2011
7.	Determining the pharmacokinetics of psilocin in rat plasma using ultra-performance liquid chromatography coupled with a photodiode array detector after orally administering an extract of <i>Gymnopilus spectabilis</i> .	9	Đồng Tác giả	Journal of Chromatography B ISSN: 1570-0232	ISI, scopus IF: 2,813 (Q1)		879, 2669-2672	2011
8.	Chiral HPLC studies on chemical behavior of 6-methoxydihydrosanguinarine in alcoholic solvent system.	10	Tác giả chính	Journal of Pharmaceutical and Biomedical Analysis ISSN:0731-7085	ISI, scopus IF: 2,986 (Q1)		56, 479-483	2011
9.	Quality Evaluation of Modified Bo-Yang-Hwan-O-Tang by Capillary Electrophoresis and High-performance Liquid Chromatography.	10	Đồng tác giả	Bulletin of the Korean Chemical Society ISSN: 1229-5949	ISI, scopus IF: 0,602 (Q3)		32(8), 2666-2670	2011

10.	A new flavan-3-ol and the anti-inflammatory effect of flavonoids from the fruit peels of <i>Wisteria floribunda</i> .	10	Đồng tác giả	Journal of Asian Natural Products Research ISSN: 1477-2213	ISI, scopus IF: 1,17 (Q2)		13(11), 1061-1068	2011
11.	Multiple Component Quantitative Analysis for the Pattern Recognition and Quality Evaluation of Kalopanax Cortex Using HPLC.	9	Tác giả chính	Archives of Pharmacal Research ISSN: 0253-6269	ISI, Scopus IF: 2,458 (Q2)		34(12), 2065-2071	2011
12.	Establishment of content criteria of marker compounds through the monitoring of <i>Achyranthis Radix</i> collected from Korea and China.	8	Đồng tác giả	Analytical Science & Technology ISSN: 2288-8985			25(4), 250-256	2012
13.	Chemical-based Species Classification of Rhubarb Using Simultaneous Determination of Five Bioactive Substances by HPLC and LDA Analysis.	8	Tác giả chính	Phytochemical analysis ISSN: 1099-1565	ISI, scopus IF: 2,48 (Q1)		23, 359-364	2012
14.	Influential characteristics in decoction extraction effect of corydalis tuber for the several types of water by multiple factor analysis.	8	Đồng tác giả	Korean Journal of Pharmacognosy ISSN: 0253-3073	Scopus (Q3-Q4)		43(01), 16-21	2012
15.	Chiral pharmacokinetics of zaltoprofen in rats by HPLC with solid-phase extraction.	11	Tác giả chính	Journal of Pharmaceutical and Biomedical Analysis ISSN: 0731-7085	ISI, scopus IF: 2.986 (Q1)		70, 267- 273	2012
Bài báo trong nước								
1.	Nghiên cứu quy trình sinh khối tế bào rễ sâm Ngọc Linh (<i>Panax vietnamensis</i> Ha et Grushv) trên môi trường lỏng.	4	Đồng tác giả	Tạp chí Y dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			33(7), 5- 13	2008

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

2.	Nghiên cứu chiết xuất, thành phần hóa học và tác dụng chống viêm giảm đau của Dầu Đà điểu.	6	Đồng tác giả	Tạp chí kiểm nghiệm ISSN: 1859-0055			3A.2008 (số đặc biệt), 65-69	2008
3.	Đánh giá tác dụng giảm đau, chống viêm của kem Osapain trên thực nghiệm.	7	Đồng tác giả	Tạp chí kiểm nghiệm ISSN: 1859-0055			3A.2008 (số đặc biệt), 123-126	2008
4.	Ảnh hưởng của thành phần môi trường tới tốc độ phát triển và hàm lượng hoạt chất trong sinh khối tế bào rễ sâm Ngọc Linh trên môi trường lỏng.	7	Đồng tác giả	Tạp chí kiểm nghiệm ISSN: 1859-0055			3A.2008 (số đặc biệt), 126-131	2008
5.	Nghiên cứu tính an toàn của dầu Đà điểu.	5	Đồng tác giả	Tạp chí thông tin y dược ISSN: 0868-3891			1/2009, 31-34	2009
6.	Nghiên cứu tối ưu hóa quy trình chiết xuất dầu Đà điểu.	4	Đồng tác giả	Tạp chí Y Dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			34(01), 96-102	2009
7.	Nghiên cứu tính an toàn của kem Herbavera trên thực nghiệm.	3	Đồng tác giả	Tạp chí Y Dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			34(01), 12-16	2009
8.	Nghiên cứu một số môi trường duy trì và bảo quản giống Nấm Hàu Thỏ (<i>Hericium erinaceum</i>).	4	Tác giả chính	Tạp chí Y học Quân sự ISSN: 1859-1655			258(5,6), 56-59	2009
9.	Khảo sát sự phát triển trong môi trường dinh dưỡng lỏng và thành phần sinh khối nấm hàu thỏ.	5	Đồng tác giả	Tạp chí Y học Quân sự ISSN: 1859-1655			260(9,10), 53-55	2009
10.	Nghiên cứu tác dụng giảm đau chống viêm của kem Atapain trên động vật thực nghiệm.	4	Đồng tác giả	Tạp chí Y Dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			34(06), 12-20	2009
11.	Nghiên cứu quy trình tạo callus sâm Vũ Diệp (<i>Panax bipinnatifida</i>).	5	Đồng tác giả	Tạp chí Y Dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			34(9), 99-103	2009
12.	Công nghệ chiết xuất dùng dung môi CO ₂ siêu tới hạn.	4	Đồng tác giả	Tạp chí Y Dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			35(01), 114-118	2010

13.	Thẩm định các loài đại hoàng bằng định lượng đồng thời hoạt chất sinh học và phân tích tổng thể sắc đồ.	6	Tác giả chính	Tạp chí Y Dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			36(05), 9-14	2011
14.	Chiết xuất, phân lập và xác định cấu trúc hóa học của chrysophanol trong đại hoàng dùng làm chất chuẩn.	5	Đồng tác giả	Tạp chí Y Dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			36(06), 7-11	2011
15.	Định lượng đồng thời mười hoạt chất sinh học trong Đại hoàng bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao.	4	Tác giả chính	Tạp chí Y Dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			37(01), 13-20	2012
16.	Phân lập 13-dehydroxybaccatin III từ sinh khối Thông đỏ nam (<i>Taxus wallichiana</i> Zucc).	4	Đồng tác giả	Tạp chí Y Dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			37(07), 11-15	2012
17.	Nghiên cứu định lượng S-allyl-L-cystein trong tỏi đen Lý Sơn bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao	4	Tác giả chính	Tạp chí Y Dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			37(09), 7-12	2012

II. Sau khi bảo vệ luận án TS

Bài báo quốc tế

1.	Quantitative Determination of Marker Compounds and Pattern Recognition Analysis for Quality Control of Alismatis Rhizoma by HPLC.	9	Tác giả chính	Bulletin of the Korean Chemical Society ISSN: 1229-5949	IF: 0,602 ISI, scopus (Q3)		34(07), 2081-2085	2013
2.	A new LC/MS/MS method for the analysis of phyllanthin in rat plasma and its application on comparative bioavailability of phyllanthin in different formulations after Oral Administration in Rats.	9	Tác giả chính	Pharmacognosy Journal ISSN: 0975-3575	Scopus (Q3)		11(05), 968-975	2019
3.	Phytosomal nanoparticles preparation of	9	Tác giả chính	Pharmacognosy Journal ISSN: 0975-3575	Scopus (Q3)		11(05), 1037-1045	2019

	curcuminoids to enhance cellular uptake of curcuminoids on breast cancer cell line MCF-7.							
4.	Flavonol glycosides from <i>Fissistigma maclurei</i> .	10	Tác giả chính	Journal of Asian Natural Product Research ISSN: 1477-2213	ISI, scopus IF: 1,17 (Q2)		1-7	2020
5.	Phenolic Compounds from <i>Caesalpinia Sappan</i> .	7	Đồng tác giả	Pharmacognosy Journal ISSN: 0975-3575	Scopus (Q3)		12(02), 410-414	2020
Bài báo trong nước								
1.	Phân tích định lượng và phân tích tổng thể sắc đồ nhằm đánh giá chất lượng Đại hoàng bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao.	3	Tác giả chính	Tạp chí Y Dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			38(09), 32-38	2013
2.	Ảnh hưởng của các tham số chiết xuất siêu tới hạn tới hiệu suất và hoạt tính chống oxy hóa của dầu vùng đen.	4	Đồng tác giả	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			414(02), 52-58	2014
3.	Nghiên cứu định lượng Lycopene trong cà chua bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao.	4	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			414(02), 70-74	2014
4.	Phytosome và ứng dụng trong công nghệ dược phẩm.	4	Đồng tác giả	Tạp chí Y Dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			39(03), 12-16	2014
5.	Nghiên cứu định lượng Stevioside trong cỏ ngọt (<i>Stevia rebaudiana</i>) bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao.	5	Đồng tác giả	Tạp chí Y Dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			39(04), 14-19	2014
6.	Nghiên cứu định lượng capsaicin và dihydrocapsaicin trong quả ớt bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao.	5	Đồng tác giả	Tạp chí Y Dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			39(05), 7- 12	2014
7.	Nghiên cứu định lượng luteolin, apigenin trong dược liệu và bột cao	5	Đồng tác giả	Tạp chí dược học ISSN: 0866-7861			461(54), 66-70	2014

	khô cúc hoa vàng <i>Chrysanthemum indicum</i> L.) bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao.							
8.	Quantitative analysis of Alisol compounds in <i>Alismatis Rhizoma</i> by HPLC.	6	Tác giả chính	Tạp chí Y Dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			39(07), 17-21	2014
9.	Quantitative analysis of calycosin-7-O- β -D glucoside in <i>Radix Astragali</i> by HPLC.	3	Đồng tác giả	Tạp chí Y Dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			39(07), 5-9	2014
10.	Nghiên cứu đặc điểm vi phẫu của thân và lá cây Tầm gửi gạo (<i>Taxillus chinensis</i>).	3	Đồng tác giả	Tạp chí Y Dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			39(08), 22-27	2014
11.	Nghiên cứu tác dụng hạ lipid máu của viên nang cứng slimtosen trên thực nghiệm.	5	Đồng tác giả	Tạp chí Y Dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			39(01), 49-57	2014
12.	Ảnh hưởng của thời gian và số lần cấy chuyển đến sự phát triển và hàm lượng hoạt chất của tế bào sâm Ngọc linh.	2	Đồng tác giả	Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam ISSN: 1859-4794			2(08), 36-38	2015
13.	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số yếu tố đến chất lượng sinh khối sâm Ngọc linh trên hệ thống bioreactor 100 lít.	2	Đồng tác giả	Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam ISSN: 1859-4794			1(02), 55-59	2015
14.	Đánh giá độc tính cấp và bán trường diễn của viên nang cứng slimtosen.	6	Tác giả chính	Tạp chí Y Dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			40(02), 61-67	2015
15.	Đánh giá độc tính cấp và bán trường diễn của chế phẩm Detoxie.	4	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			436(01), 96-101	2015
16.	Đánh giá độc tính cấp và bán trường diễn của chế phẩm Deradio.	5	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			437(01), 138-142	2015
17.	Nghiên cứu định lượng adenosine trong Đông trùng hạ thảo (<i>Cordyceps spp.</i>) bằng phương pháp HPLC.	5	Tác giả chính	Tạp chí Y Dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			40(09), 18-23	2015

18.	Đánh giá tác dụng chống oxy hóa của viên nang cứng Detoxie.	4	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			438(02), 108-112	2016
19.	Đánh giá tác dụng chống oxy hóa của chế phẩm Deradio.	5	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			438(02), 61-65	2016
20.	Nghiên cứu định lượng Cordycepin trong Đông trùng hạ thảo (<i>Cordyceps spp.</i>) bằng phương pháp HPLC.	4	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			441(02), 67-71	2016
21.	Định lượng đồng thời Narirutin, Hesperidin và Neoponicirin trong vỏ quýt bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao.	3	Đồng tác giả	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			441(02), 133-137	2016
22.	Đánh giá tác dụng bảo vệ gan của chế phẩm Vượng Can Vi C.	4	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			442(01), 81-85	2016
23.	Đánh giá tác dụng chống oxy hóa của chế phẩm Vượng Can Vi C.	4	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			442(01), 147-152	2016
24.	Đánh giá tính an toàn của chế phẩm chống hôi chân.	2	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			445(02), 124-129	2016
25.	Đánh giá độc tính cấp và bán trường diễn của chế phẩm chống hôi chân.	2	Tác giả chính	Tạp chí khoa học và công nghệ nhiệt đới ISSN: 0866-7535			10(06), 79-86	2016
26.	Phân tích tổng thể sắc đồ và phân loại kim ngân bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao.	4	Đồng tác giả	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			451(02), 84-88	2017
27.	Quantitative analysis of silybin A and B in dry extract of milk thistle (<i>Silybum marianum</i>) by UPLC/UV-Vis method.	4	Đồng tác giả	Tạp chí Y Dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			42(07), 5- 10	2017
28.	Nghiên cứu định lượng đồng thời curcumin (Cur), desmethoxycurcumin	5	Đồng tác giả	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			462(02), 134-137	2018

	(DMC) và bisdemethoxycurcumin (BDMC) trong các mẫu curcuminoids bằng phương pháp UPLC/UV.						
29.	Định lượng phyllanthin trong Diệp hạ châu đắng (<i>Phyllanthus amarus L.</i>) bằng sắc ký lỏng siêu hiệu năng sử dụng Deceptor huỳnh quang.	5	Đồng tác giả	Tạp chí Y Dược học Quân sự ISSN: 1859-0748		43(03), 26-31	2018
30.	Nghiên cứu bào chế phytosome chứa gypenosid saponin chiết xuất từ gạo cô lam.	4	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		470(02), 97-101	2018
31.	Nghiên cứu đánh giá sinh khả dụng phức hợp phospholipid của phyllanthin chiết xuất từ Diệp hạ châu đắng <i>Phyllanthus amarus</i> .	5	Đồng tác giả	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		472(1+2), 104-108	2019
32.	Đánh giá tác dụng của phytosome curcuminoids trên dòng tế bào ung thư vú MCF-7.	5	Đồng tác giả	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		478(02), 105-108	2019
33.	Nghiên cứu tác dụng chống độc của chế phẩm Cynakontum trên thực nghiệm.	5	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		479(02), 122-125	2019
34.	Nghiên cứu độc tính cấp và bán trường diễn của chế phẩm Cynakontum trên thực nghiệm.	5	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		479(02), 56-60	2019
35.	Đánh giá tính an toàn của chế phẩm Isoquercetin.	5	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		480(1+2), 35-39	2019
36.	Đánh giá tác dụng chống tia UV của chế phẩm Isoquercetin.	4	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		480(1+2), 85-89	2019
37.	Nghiên cứu tác dụng bảo vệ gan của chế phẩm saposome trên thực nghiệm.	4	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		480(1+2), 132-135	2019

38.	Đánh giá tác dụng chống oxi hóa của chế phẩm saposome.	4	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			481(01), 81-84	2019
39.	Nghiên cứu bào chế phytosome chứa polyphenol chiết xuất từ lá chè xanh (<i>Camellia sinensis</i> L.).	4	Đồng tác giả	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			481(01), 129-132	2019
40.	Xây dựng phương pháp định lượng diclofenac trong huyết tương bằng phương pháp HPLC.	2	Đồng tác giả	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			481(01), 173-177	2019
41.	Xác định một số chỉ tiêu của bột cao khô polyphenol chè xanh phun sấy (<i>Camellia sinensis</i>).	2	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			481(02), 87-90	2019
42.	Đánh giá một số chỉ tiêu chất lượng của phytosome polyphenol chiết xuất từ lá chè xanh.	2	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			481(02), 47-51	2019
43.	Xây dựng phương pháp định lượng phyllanthin trong huyết tương chuột bằng UPLC/MS/MS.	3	Đồng tác giả	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			482(01), 118-122	2019
44.	Bước đầu đánh giá sinh khả dụng của phức hợp phyllanthin-phospholipid trên động vật thực nghiệm.	3	Đồng tác giả	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			482(01), 202-205	2019
45.	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tạo phức giữa silybin và phosphatidylcholine.	7	Đồng tác giả	Tạp chí dược học ISSN: 0866-7861			59(521), 60-65	2019
46.	Nghiên cứu xây dựng quy trình định lượng clarithromycin trong huyết tương người bằng phương pháp sắc ký lỏng khối phổ.	2	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			482(1), 65-69	2019
47.	Nghiên cứu quy trình chiết xuất flavonoid toàn phần và hesperidin từ vỏ quýt.	2	Đồng tác giả	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			482(2), 81-84	2019
48.	Đánh giá tác dụng giảm béo, hạ mỡ máu của	3	Đồng tác giả	Tạp chí Y học Việt Nam			482(2), 172-175	2019

	viên nang Kardi Q10 trên động vật thực nghiệm.			ISSN: 1859-1868				
49.	Nghiên cứu xây dựng công thức và quy trình bào chế viên nang Kardi Q10.	3	Đồng tác giả	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			483(1), 75-79	2019
50.	Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn cơ sở viên nang Kardi Q10.	3	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			483(1), 223-226	2019
51.	Nghiên cứu một số chỉ tiêu chất lượng của bột cao khô lá xoài (<i>Mangifera indica</i>).	2	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			483(01), 129-132	2019
52.	Đánh giá độc tính cấp và bán trường diễn của viên nang Kardi Q10 trên động vật thực nghiệm.	3	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			483(02), 187- 191	2019
53.	Xây dựng quy trình định lượng mangiferin trong lá xoài (<i>Mangifera indica</i>) bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao.	2	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			483(02), 100-103	2019
54.	Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn cơ sở flavonoid toàn phần từ vỏ quýt.	2	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			484(01), 203-206	2019
55.	Nghiên cứu định lượng Gliclazid trong huyết tương người bằng phương pháp sắc ký lỏng siêu hiệu năng UPLC.	2	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			484(01), 144-148	2019
56.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến điều kiện phun sấy cao khô lá xoài (<i>Mangifera indica</i>).	2	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			484(01), 70-74	2019
57.	Nghiên cứu xây dựng quy trình định lượng Capecitabine trong huyết tương chó bằng phương pháp sắc kí lỏng khối phổ..	2	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			486(1&2), 120-125	2020

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

58.	Nghiên cứu xây dựng công thức bào chế viên nang mBHT.	4	Đồng tác giả	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			486(1&2), 63-66	2020
59.	Xây dựng quy trình định lượng Cathamin trong bài thuốc mBHT bằng sắc kí lỏng hiệu năng cao.	4	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			487(1&2), 73-76	2020
60.	Xây dựng quy trình chiết xuất và bào chế bột cao khô từ bài thuốc mBHT.	4	Đồng tác giả	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			487(1&2), 106-110	2020
61.	Chiết xuất, phân lập một số hợp chất từ lá cây bao tử (<i>Murdannia bracteata</i> (C.B.Clarke) J.K.Morton ex D.Y.Hong).	4	Đồng tác giả	Tạp chí Y Dược Lâm Sàng 108 ISSN: 1859-2872			14(06), 116-121	2019
62.	Đánh giá sinh khả dụng của viên nén bao phim capecitabine 500 mg trên chó bằng phương pháp sắc ký lỏng khối phổ	6	Tác giả chính	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			490(01), 260-264	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 05

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	Bằng độc quyền sáng chế số: 7523 “Phương pháp sản xuất sinh khối tế bào rễ sâm ngọc linh”	Cục sở hữu trí tuệ	11/02/2009	Đồng tác giả	9
2	Bằng độc quyền giải pháp hữu ích số 2353: “Sản phẩm phức hợp dạng phytosom của hỗn hợp Gypenosit ở dạng dịch chiết toàn phần chiết xuất từ cây Giảo cổ lam và quy trình sản xuất sản phẩm này”	Cục sở hữu trí tuệ	10/06/2020	Đồng tác giả	9

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 01

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				
2				
...				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

- Tham gia viết chương trình chi tiết môn học Dược lý, module môn học và bài giảng bằng tiếng anh môn Dược lý.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng
ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác
giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác
giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Chữ Văn Mên